

Số: 20 /2015/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung
tại Bảng giá đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đặt, đổi tên một số đường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 109/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá VIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016, kỳ họp thứ 14;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 742/TTr-STNMT ngày 07 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung tại Bảng giá đất trên địa bàn thành phố ban hành theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi giá đất tại các tuyến đường, khu vực sau đây:

a) Một số tuyến đường tại Phụ lục số 2, như sau:

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

Tên đường	Tại Phụ lục số 2				Sửa đổi thành		
	STT	Loại đường	Hệ số	Đơn giá	Loại đường	Hệ số	Đơn giá
An Đồn 3	18	4	1,0	4.400	5	1,2	3.840
An Đồn 4	19	5	1,2	3.840	4	1,0	4.400
Lê Lộ	739	4	1,4	6.160	4	1,1	4.840
Lý Thiên Bảo	855	6	1,1	2.420	6	0,9	1.980
Nguyễn Bảo	1020	6	1,0	2.200	6	0,9	1.980
Nguyễn Huy Oánh	1080	6	0,8	1.760	6	0,9	1.980
Nguyễn Thúy	1161	4	1,1	4.840	4	0,8	3.520
Phan Liêm	1267	5	1,3	4.160	4	1,2	5.280

b) Khu vực xã Hòa Khương tại Phụ lục số 3, như sau:

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

Khu vực	Tại Phụ lục số 3				Sửa đổi thành			
	Vị trí	Khu vực	Hệ số	Đơn giá	Vị trí	Khu vực	Hệ số	Đơn giá
VI. Xã Hòa Khương 5. Các thôn: - Đường từ 2m đến dưới 3,5m	4	III	0,9	180	4	III	1,0	200

2. Sửa đổi tên “đường ĐT 604” tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND thành “đường Quốc lộ 14G”;

3. Sửa đổi tên “Đường Hoàng Văn Thái (cũ) nối dài (đoạn từ Đà Sơn đi thôn Phú Hạ, Phú Thượng)” tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND thành “Đường Hoàng Văn Thái nối dài cũ (đoạn thuộc địa phận thôn Phú Hạ và thôn Phú Thượng)”

4. Bãi bỏ giá đất đường Thích Phước Huệ, quận Sơn Trà tại số thứ tự 1532, Phụ lục số 2.

Điều 2. Bổ sung một số nội dung về giá đất ở tại Phụ lục số 2A và Phụ lục số 3A ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Những nội dung khác về quy định giá đất tại Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2014 của UBND thành phố không trái Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương